

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**
Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 8- 2022
*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Yến**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Quang Minh Nhật** và bà **Nguyễn Thị Mỹ Vinh**

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Lực - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 127/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị L**, sinh năm: 1994; địa chỉ: Thôn TH, xã TT, huyện LT, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bị đơn: Anh **Lê Chí N**, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố S, phường Đ, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 5 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Loan trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Lê Chí N kết hôn tự nguyện vào ngày 11/11/2013 tại UBND xã TT, huyện LT, tỉnh Quảng Bình. Sau kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, anh N không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nguyện xin được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là Lê Quỳnh Nh, sinh ngày 29/4/2014. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Chí N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự, bị đơn vi phạm các Điều 70, 72 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Lê Chí N.

+ Về con chung: Xử giao cháu Lê Quỳnh Nh, sinh ngày 29/4/2014 cho chị Lê Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh Nam cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Chí N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Chí N.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của chị L trong thời gian chung sống anh N không chăm lo gia đình, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, vợ chồng đã sống ly thân không còn tình cảm với nhau. Theo kết quả xác minh tại địa phương, trong thời gian chung sống vợ chồng chị L, anh N có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp nhau, hiện vợ chồng chị L, anh N đã sống ly thân.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên anh N không có ý kiến phản hồi, không đến Tòa án làm việc điều đó thể hiện ý thức anh N đã bỏ mặc cuộc hôn nhân của mình.

Thấy rằng vợ chồng chị Loan, anh N không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị Loan: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn anh N.

- Về con chung: Hiện tại vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Quỳnh Nh, sinh ngày 29/4/2014,

Anh N không có văn bản trình bày ý kiến, nguyện vọng về con chung, đồng thời không có mặt trong các phiên hòa giải. Thấy rằng anh N có thái độ bỏ mặc không quan tâm đến nguyện vọng về con cái, hiện con do chị Loan đang trực tiếp nuôi dưỡng vì vậy giao cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là phù hợp. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Lê Chí N.

- Về con chung: Xử giao cháu Lê Quỳnh Nh, sinh ngày 29/4/2014 cho chị Lê Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh Nam cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Chí N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh N thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000298 ngày 31/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Chị L đã nộp đủ án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- CCTHADS TP. Đông Hà;
- UBND xã Tân Thủy, huyện Lệ Thủy;
- Dương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án; tổ HC -TP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải Yến

